



LÊ TIẾN HÙNG
Kỹ sư kinh tế

NHỮNG TẬP ĐOÀN KINH TẾ MIỀN NAM 1955 1975

18 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tổng số viện trợ Mỹ cho miền Nam VN từ 1954 đến 1975 là 23,9 tỷ USD, chia ra 16,1 tỷ USD viện trợ quân sự và 7,8 tỷ viện trợ kinh tế (1). Số tiền này rất lớn vì dân số Nam Việt Nam chỉ bằng khoảng phân nửa và trị giá đồng USD lớn trên 10 lần so với hiện nay. Để Sài Gòn có tiền Sài Gòn trả lương cho quân đội, từ 170.000 người vào 1957 tăng lên trên 1 triệu người (kể cả bảo an, dân vệ) vào các năm 1973-75, quân đội này có nhiệm vụ "tiêu dùng" số máy bay, xe tăng và súng viện trợ (16,1 tỷ USD), Mỹ đưa viện trợ kinh tế (7,8 tỷ USD) dưới hình thức hàng Mỹ (gạo, bông vải, hàng tiêu dùng, vật tư, máy...) vào Sài Gòn và cần có một bộ phận - các nhà nhập khẩu miền Nam - để chuyển hoá hàng viện trợ này thành tiền Sài Gòn để trả lương cho lính. Việc chuyển hoá T-H-H'-T' này thực hiện như sau : các nhà nhập khẩu Sài Gòn đóng tiền Sài Gòn vào Quỹ đối giá viện trợ Mỹ để mua đồ la Mỹ trả cho các công ty Mỹ xuất hàng Mỹ qua Sài Gòn, tiền trong Quỹ viện trợ này, Mỹ trao cho các chính phủ Sài Gòn để trả lương cho quân đội Sài Gòn.

Khi đóng số tiền T (=vốn riêng + vốn vay ngân hàng) vào Quỹ đối giá Viện trợ Mỹ, các nhà nhập khẩu Sài Gòn nhận được một số hàng H, và có quyền đem bán với giá cao trên thị trường Sài Gòn để thu về một số tiền T' lớn tới đa. Sai biệt giữa T'-T là lợi nhuận của các nhà nhập khẩu. Sai biệt này khá cao vì đối giá viện trợ Mỹ cấp cho Sài Gòn không đủ để trả lương cho lính Sài Gòn, phải lưu hành thêm tiền, nên Cầu > Cung, giá tăng, giá cao khiến lợi nhuận cao, nhờ đó không những các nhà nhập khẩu Sài Gòn có lãi nhiều, đóng thuế nhiều cho các chính phủ Sài Gòn, trả được vốn và lãi vay của ngân hàng, lại còn thu được một số lãi ròng lớn, nhập lãi vào vốn, từ đó xảy ra một quá trình tăng trưởng, tích tụ vốn. Từ 1954 tới 1957, hàng nhập chủ yếu là hàng tiêu dùng. Vào

năm 1957, Mỹ thông báo cho chính phủ Sài Gòn rõ là sẽ giảm viện trợ, đồng thời bằng lòng cho nhập một số máy và vật tư để tự sản xuất lấy hàng tiêu dùng. Vì vậy, Sài Gòn giảm nhập và đánh thuế cao trên hàng tiêu dùng, khuyến khích các nhà nhập khẩu, thay vì nhập hàng tiêu dùng, nhập máy và vật tư để sản xuất lấy xe đạp, vải, Áo được v.v... Do đó chu chuyển T-H-T' chuyển thành chu chuyển T-H-SX-H'-T' cho lợi nhuận cao hơn qua khâu H-SX-H'... Từ đó thành hình Khu công nghiệp Sài Gòn và sự phát triển mạnh của Khu Ngân hàng Sài Gòn. Các nhà nhập khẩu Sài Gòn, vào năm 1955-57, chỉ là những nhà nhập khẩu thuần mua và bán- từ năm 1958 trở đi đã trở thành các nhà công nghiệp với Khu Công nghiệp Sài Gòn Biên Hoà và từ 1963 trở đi các nhà nhập khẩu + công nghiệp này đã hùn vốn và lập nên các ngân hàng tư. Như vậy hình thành các tập đoàn nhập khẩu + công nghiệp + ngân hàng + phân phối + địa ốc.

I. NHỮNG TẬP ĐOÀN TẠI SÀI GÒN 1955-75 (2)

1. Tập đoàn Lý Long Thân, phát triển mạnh với việc thành lập Vinatexco, Vinatexfinco, vào các năm đầu 60 và nhà máy Vicasa vào cuối các năm 60. Tập đoàn này hùn vốn vào 4 ngân hàng, vốn ước chừng 55 tr tiền ngân hàng (khoảng 20 triệu USD).

2. Tập đoàn Châu Đạo Sanh, Vương Ngọc Anh với nhà máy Vymitex, Saky bột mì. Vốn 65 triệu tiền ngân hàng.

3. Tập đoàn Lâm Như Tòng với các nhà máy Visyfasa, mì ăn liền, tôn tráng kẽm. Vốn 130 triệu tiền ngân hàng.

4. Tập đoàn Nguyễn Cao Thăng với nhà thuốc Âu dược, sữa bột Dielac. Vốn 17 triệu tiền ngân hàng.

Ngoài ra còn nhiều tập đoàn khác nhỏ hơn.

II. NHẬN XÉT

Từ 1954 tới 1975, có một quá trình phát sinh, chuyển hoá các nhà nhập khẩu thành các nhà công nghiệp, tiếp theo thành các nhà ngân hàng, địa ốc, phân phối sỉ, nhà hàng. Sự thành hình và chuyển hoá thành tập đoàn trên đã đánh dấu ấn vào khu vực Sài Gòn Biên Hoà, như tại Sài Gòn, các khu cao ốc tốt nhất là các cao ốc ngân hàng, các nhà hàng như Đồng Khánh... Ngoài Sài Gòn là khu công nghiệp Sài Gòn Biên Hoà... Từ thuần nông nghiệp, kinh tế miền Nam có bước chuyển sang làm một số hàng thay thế hàng nhập, điển hình là các ngành dệt, ngành Au dược, ngành nhựa dẻo, nhôm, bình điện, v.v... đã phát triển khá. Ngành ngân hàng, bảo hiểm cũng phát triển mạnh.

Tuy nhiên sự phát triển của các

tập đoàn và kinh tế miền Nam có nhiều điều giới hạn so với Hàn Quốc, nơi đây đã biến thành "rồng", trong thời gian 1962-75.

Các tập đoàn Hàn Quốc cũng xuất thân từ việc chuyển hoá viện trợ kinh tế Mỹ thành tiền nội để trả lương cho lính nội. Tuy nhiên tại Hàn Quốc, chỉ có tình trạng "chiến tranh lạnh" giữa Nam Bắc Hàn còn tại Việt nam thì từ 1957 trở đi chiến tranh càng năm càng leo thang, quân đội chính quy Sài Gòn tăng từ 170.000 vào 1957 lên 600-700.000 người vào các năm 70, nếu cộng thêm lực lượng bán chính quy trên 1 triệu người. Những tài nguyên viện trợ chủ yếu đã được sử dụng cho chiến tranh, tạo nên những tàn phá lớn, như khu vực nông nghiệp từ thừa lương thực chuyển sang thiếu khoảng 1 triệu tấn/năm, sản lượng cao su năm 1963 là 71.000 tấn năm 1973 còn 13.000 tấn, 10 triệu dân bị dồn từ nơi này sang nơi khác, 1,5 triệu người chết và bị thương v.v.. Sự phát triển được giới hạn trong khu vực thành thị trong khi nông thôn bị tàn phá. So với Hàn Quốc có hoà bình, công việc người lính Hàn Quốc được phân tích và mặt kinh tế là bán các dịch vụ đều đều cho Mỹ nhằm chuyển hoá ngoại tệ mạnh để nhập máy, thiết bị và vật tư, còn tại Nam VN thì sự chuyển hoá này thực hiện qua máu xương và những tàn phá chiến tranh.

Ngoài ra, còn có sự khác biệt chính giữa 2 xứ là phương cách sử dụng ngoại tệ viện trợ. Tại Nam Việt nam từ 1954-57 ưu tiên nhập hàng tiêu dùng, từ 1957 tới 63 có việc chuyển hoá một phần ngoại tệ viện trợ sang máy, vật tư nên Khu Công nghiệp Sài Gòn Biên Hoà được thành lập và phát triển khá, nhưng từ 1964 trở đi chính phủ Sài Gòn trở lại chính sách nhập hàng tiêu dùng khiến khu Công nghiệp lao đao, tới năm 1968 sau Mậu Thân, Mỹ khởi sự rút thì mới buộc lòng trở lại chính sách bớt nhập hàng tiêu dùng và tăng nhập máy vật tư. Kinh tế Sài Gòn đạt mức phát triển cao nhất vào năm 1971. Nhưng lúc bấy giờ, chính sách "tự lực, tự cường" của Sài Gòn đã trễ, vì Mỹ rút quân và viện trợ giảm mạnh theo thực giá sau khi giá dầu tăng vọt từ 3-4 USD thùng lên 31-40 USD thùng năm 1973. Viện trợ Mỹ giảm mạnh theo thực giá.

Chính sách sử dụng ngoại tệ trên đây đã gây đình trệ kinh tế các năm 1954-1957 (khi Sài Gòn tăng nhập hàng tiêu dùng ngoại), phồn thịnh khá (1959-63 khi giảm nhập hàng tiêu dùng, tăng nhập máy vật tư), tạo nhiều khó khăn cho một số ngành trong thời gian 1964-68, gây phồn thịnh 1968-71, khủng hoảng 1973-75.

Tình hình này khác hẳn với Hàn Quốc trong thời kỳ 1962-75, khi ngoại tệ Mỹ được ưu tiên dùng nhập máy và vật tư mà thôi chứ không được phép

dùng nhập hàng tiêu dùng, nên đã tạo điều kiện giúp cho kinh tế Hàn Quốc bột phát.

Mặt khác, Hàn Quốc áp dụng chính sách táo bạo: công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm các mặt hàng tiêu dùng cấp cao để thay hàng nhập và nhất là để xuất khẩu với kỹ thuật tối tân nhất. Bên cạnh viện trợ Mỹ, Hàn Quốc còn nguồn vốn rất dồi dào là đầu tư nước ngoài, tới các năm 80 lên đến khoảng 40 tỷ USD. Ở Nam Việt Nam trái lại, Khu Công nghiệp Sài Gòn Biên Hoà tự giới hạn trong việc làm hàng nội thay hàng ngoại, so với các khu công nghiệp Hàn Quốc có nhiệm vụ ưu tiên là làm hàng xuất khẩu. Khi xuất khẩu tăng, khả năng nhập khẩu máy và vật tư của Hàn Quốc cũng tăng. Với mô hình tự giới hạn làm hàng nội thay hàng nhập của Sài Gòn, muốn mở rộng sản xuất càng năm càng cần có một số viện trợ kinh tế tăng thêm để thoả mãn nhu cầu nhập máy và vật tư. Từ 1968 tới 1971, điều kiện này được thoả mãn khiến kinh tế Sài Gòn phồn thịnh. Tới năm 1972, tình hình biến chuyển ngược chiều: viện trợ Mỹ giảm, đưa đến khủng hoảng công nghiệp hàng tiêu dùng Sài Gòn vì thiếu máy, phụ tùng và vật tư. Ngoài ra, từ 1955 tới 1975, tư bản ngoại quốc đầu tư rất ít tại Nam VN.

Kết quả, Hàn Quốc chuyển thành rồng, Nam Việt Nam, Mỹ rút, chế độ Sài Gòn sụp đổ lưu vong. Chỉ số sản xuất công nghiệp Sài Gòn là 168 vào năm 1974 so với 251 vào năm 1971.

Cùng với sự biến chuyển thành rồng tại Hàn Quốc, những tập đoàn sản xuất tại Hàn Quốc đã biến thành những xí nghiệp và ngân hàng có quy mô khá lớn trên thế giới. Trái lại tập đoàn và xí nghiệp Sài Gòn chỉ có quy mô nhỏ, như tài sản tập đoàn Lý Long Thân ước khoảng 20 triệu USD và nhà máy Vicasa có công suất chỉ khoảng 50.000 tấn thay vì hàng chục triệu tấn thép năm như tại Hàn Quốc.

Để kết luận, có thể nói kinh tế, các tập đoàn sản xuất Nam Việt Nam có tính phụ thuộc chứ không chủ động, trong khi tại Hàn Quốc, có tính chủ động trong sự phụ thuộc vào viện trợ Mỹ và sự chủ động này càng năm càng lớn lên, khi ấy Mỹ không viện trợ cho Hàn Quốc nữa và đến nay đã nâng dần hàng rào quan thuế để chặn bớt làn sóng hàng hóa của Hàn Quốc càng năm càng thâm nhập vào Mỹ ♣

(1) Nguồn: *An Economic Study*, City Bank HongKong, tháng 9.1976, tr 4.

(2) Ban Cải tạo Trung ương tại TPHCM, năm 1977.

